

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TD
TỈNH VĨNH PHÚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 09 - 8 - 2022
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TD, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình La

Bà Kiều Thị Thắng

- Thư ký phiên tòa: Bà Kim Thị Ánh Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Ông Phan Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 51/2022/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2022 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1982 (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Phùng Văn X, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Đều có hộ khẩu thường trú: Thôn C, xã H, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đều có địa chỉ hiện nay: Thôn Y, xã H, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị kết hôn với anh Phùng Văn X ngày 21/9/2000 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi kết hôn chị về sống chung cùng gia đình anh X. Quá trình chung sống thời gian đầu tình cảm vợ chồng bình thường, đến năm 2002 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường xuyên xảy ra xô xát, cãi chưởi nhau. Chị và anh X đã sống ly thân từ năm 2014, hiện nay mỗi

người ở một nhà tại thôn Y, xã H. Trong thời gian ly thân, chị và anh X không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phùng Văn X.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là cháu Phùng Thị Ngọc L, sinh ngày 25/3/2002; cháu Phùng Nam T, sinh ngày 05/10/2004 và cháu Phùng Xuân B, sinh ngày 01/10/2008. Hiện nay, cháu L đã kết hôn và có gia đình riêng nên ly hôn chị không đề nghị Tòa án giải quyết; cháu B đang ở với chị, cháu T đang ở với anh X. Ly hôn chị đề nghị được nuôi cháu B, để anh X nuôi cháu T, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức, đất canh tác: Chị L không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Phùng Văn X đến Tòa án làm việc, nhưng anh X đều vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị L.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm và đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Phùng Văn X. Về con chung, chấp nhận yêu cầu của chị L, giao cháu Phùng Xuân B cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Phùng Nam T cho anh X trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Án phí, chị L phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con; bị đơn anh Phùng Văn X có hộ khẩu thường trú tại xã H, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc nên Tòa án nhân dân huyện TD thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn là anh Phùng Văn X: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh X đến Tòa án để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh X không đến Tòa án. Tại phiên tòa, anh X vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nên căn cứ khoản 2 Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Phùng Văn X kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh X là hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị L và

anh X là do hai bên không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường xuyên xảy ra xô xát, cãi chưởi nhau. Chị L và anh X đã sống ly thân từ năm 2014. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị được ly hôn anh X. Tòa án đã tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã H để xác định nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, kết quả xác minh cho thấy tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh X có nhiều mâu thuẫn; anh chị đã sống ly thân một thời gian dài, mỗi người ở một nhà riêng tại thôn Y, xã H. Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần để anh X đến Tòa án làm việc và tham gia phiên họp hòa giải, nhưng anh X đều vắng mặt không có lý do; điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh X đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L đề nghị được ly hôn anh X là phù hợp.

[4] Về con chung: Chị L và anh X có 03 con chung là cháu Phùng Thị Ngọc L, sinh ngày 25/3/2002; cháu Phùng Nam T, sinh ngày 05/10/2004 và cháu Phùng Xuân B, sinh ngày 01/10/2008. Ly hôn chị L đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phùng Xuân B, để anh X được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phùng Nam T, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Đối với cháu L đã kết hôn và có gia đình riêng, ly hôn chị L không đề nghị Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa, chị L trình bày, chị đang làm công nhân tại Công ty giày da ở xã H1, huyện TD, thu nhập trung bình 6.000.000đồng/tháng; còn anh X ở nhà chăn nuôi, lao động tự do. Xét thấy, nguyện vọng nuôi con của chị L là chính đáng, chị L và anh X đều có chỗ ở ổn định, có thu nhập, đảm bảo đủ điều kiện nuôi con. Quá trình giải quyết vụ án, cháu T có nguyện vọng được ở với anh X; cháu B có nguyện vọng được ở với chị L, nên cần giao cháu B cho chị L tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, giao cháu T cho anh X tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp; chị L, anh X không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức, đất canh tác: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị L phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Phùng Văn X.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Phùng Xuân B, sinh ngày 01/10/2008; anh Phùng Văn X được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Phùng Nam T, sinh ngày 05/10/2004. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002931 ngày 23 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc; Chị L đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện TD;
- Chi cục THADS huyện TD;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Thu Hạnh